ĐÂY THÔN VĨ DẠ

– Hàn Mặc Tử –

**A/ TÌM HIỂU CHUNG:**

**I/ TÁC GIẢ: (1912 – 1940)**

– Hàn Mặc Tử là người có số phận bất hạnh (mắc bệnh phong, qua đời khi tuổi đời còn rất trẻ).

– Tuy cuộc đời nhiều bi thương nhưng Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất của phong trào Thơ mới.

– Thơ ông đầy bí ẩn nhưng luôn khắc khoải một tình yêu đau đớn hướng về trần thế.

– Tác phẩm tiêu biểu: tập thơ *Thơ điên*, *Gái quê, Duyên kì ngộ* (kịch thơ), …

**II/ TÁC PHẨM: *Đây thôn Vĩ Dạ***

**1/ Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác**:

*− Đây thôn Vĩ Dạ* sáng tác 1938, được in trong tập *Thơ điên* (về sau đổi thành *Đau thương*).

**−** Bài thơ được gợi cảm hứng từ mối tình của Hàn Mặc Tử với một cô gái vốn quê ở Vĩ Dạ, một thôn nhỏ bên sông Hương, nơi xứ Huế thơ mộng và trữ tình.

**2/ Khái quát nội dung – nghệ thuật**: ***(Ghi nhớ)***

Với những hình ảnh biểu hiện nội tâm, bút pháp gợi tả, ngôn ngữ tinh tế, giàu liên tưởng, bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* là bức tranh đẹp về một miền quê đất nước, là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời yêu người.

**B/ ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:**

**I/ NỘI DUNG:**

**1/ Khổ 1: *Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết***

***\* Câu 1:***

– Câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái nghĩa:

+ Như lời mời gọi nhắn nhủ.

+ Như lời trách móc giận hờn.

– Đặt trong hoàn cảnh ra đời bài thơ có thể hiểu:

+ Là lời của người con gái Huế trách bạn sao lâu quá không về thăm lại quê xưa.

+ Là lời tự vấn của tác giả.

* Thể hiện khao khát được trở về thôn Vĩ; tâm trạng nhớ thương tiếc nuối của nhà thơ.

– Cách dùng từ “về chơi” gợi sắc thái thân mật, gần gũi → Tình cảm của nhà thơ đối với thôn Vĩ sâu sắc.

***\* Câu 2, 3,4: Cảnh ban mai thôn Vĩ.***

– Cảnh vườn thôn Vĩ: “*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên/ Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”.*

+ Hình ảnh độc đáo: điệp từ “nắng”: nắng hàng cau, nắng mới lên nhấn mạnh cái nắng sáng sớm, trong trẻo tràn ngập trong không gian. Sự kết hợp hài hòa giữa hàng cau, ánh nắng sáng bóng, xanh tươi thật đẹp.

+ Vườn cây “*mướt quá*”, “*xanh như ngọc*”  so sánh gợi tả, gợi cảm  vẻ đẹp tươi tốt, đầy sức sống.

− Người thôn Vĩ: “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*”.

+ Hình ảnh “*lá trúc che ngang*” => nét đẹp thanh tú, kín đáo, duyên dáng.

+ “*Mặt chữ điền*” => nét ngay thẳng, cương trực, phúc hậu.

🡺 Cảnh và người hài hòa trong vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng. Đằng sau bức tranh phong cảnh là tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, con người tha thiết cùng nỗi băn khoăn, day dứt của tác giả.

**2/ Khổ 2: *Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa***

– Hình ảnh: gió mây chia lìa: dùng nhịp thơ 4/3, phép tiểu đối và phép điệp tạo thành một vòng tròn khép kín chia gió mây thành hai ngả gợi nỗi buồn vì sự phân li, xa cách.

– Biện pháp nhân hóa “*dòng nước buồn thiu …*”.

 Gợi cảnh dòng nước sông Hương lững lờ trôi và nỗi buồn trĩu nặng trong lòng người.

– Hình ảnh: “*bến sông trăng*”, “*thuyền chở trăng*”.

 Sáng tạo độc đáo  cảnh đẹp thơ mộng, huyền ảo, lung linh như hư, như thực.

– *“kịp tối nay”*: câu hỏi tu từ gợi cảm giác băn khoăn, lo sợ, khắc khoải.

 Giọng thơ da diết, trầm lắng, hình ảnh gợi cảm xúc, chứa chan tâm trạng, cách dùng từ sáng tạo, độc đáo  không những bộc lộ được vẻ đẹp thơ mộng, trầm mặc suy tư của xứ Huế mà còn gợi được khát vọng tha thiết lẫn nỗi lo sợ, hoài nghi, khắc khoải trong lòng thi nhân.

**3/ Khổ 3: *Nỗi niềm thôn Vĩ***

– Hai câu đầu: khát vọng tình yêu.

+ “*Mơ*”: khát khao, ao ước.

+ “*Khách đường xa*” lặp hai lần, nhấn mạnh niềm khát khao khách đường xa là có thật, nhưng khách đường xa là ai thì không cụ thể. Sự mơ ước xa vời, càng ngày càng xa.

+ “*Em*”: gợi nghĩ người thiếu nữ Huế.

+ “*Áo em trắng quá*”: nhấn mạnh sự trong trắng, tinh khiết, thanh cao => trở thành cao xa, khó với tới.

+ “*Nhìn không ra*”: trắng xóa, nhòa đi không nhìn rõ => nét kín đáo của thiếu nữ Huế.

Hai câu cuối: sự cô đơn của thi nhân.

+ “*Ở đây*”:

* Ở xứ Huế: thế giới bên ngoài.
* Ở trại phong Quy Hòa: thế giới bên trong.
* Sự cách biệt với thế giới bên ngoài, mọi cảnh vật dường như xa cách với tác giả.

+ “*Sương khói*” thời gian xa xôi, khoảng cách xa vời làm nhạt nhòa hình ảnh.

+ Đại từ “*ai*” cách nói quen thuộc, cụ thể và vẫn mang tính khách quan.

+ “*Không biết*”: nỗi khát khao giao cảm với đời, bộc lộ sự cay đắng, xót xa.

Nỗi hoài nghi mà lại chan chứa niềm thiết tha với cuộc đời.

**II/ NGHỆ THUẬT:**

– Trí tưởng tượng phong phú.

– Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ.

– Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo.

**C/ MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ ĐỀ LUYỆN TẬP:**

**1/** Cảm nhận của anh *(chị)* về khổ 1 của bài thơ *Đây Thôn Vĩ Dạ.*

**2/** Cảm nhận của anh *(chị)* về khổ 2 của bài thơ *Đây Thôn Vĩ Dạ*.

**3/** Hoàn cảnh sáng tác và nội dung bài thơ gợi cho anh/chị cảm nghĩ gì?

**4/** Anh *(chị)* có cảm nhận gì về ý nghĩa của 2 câu thơ: *“Gió theo lối gió, mây đường mây - Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay”*?

**5/** Khổ thơ thứ 2 có câu: *“Thuyền ai đậu bến sông trăng đó – Có chở trăng về kịp tối nay?”*. Chữ “*kịp*” gợi lên điều gì về mối tương tư đầy uẩn khúc của tác giả?

**6/** Câu thơ *“Ai biết tình ai có đậm đà?”* có chút hoài nghi. Theo anh *(chị)*, đó là nỗi hoài nghi của sự chán đời hay của niềm tha thiết với cuộc đời? Tại sao?

**HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP**

***Trình bày cảm nhận về khổ 1 bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” (Hàn Mặc Tử).***

Hướng dẫn cách làm dàn ý:

1. **Mở bài:**

* Giới thiệu tác giả:

+ Hàn Mặc Tử là người có số phận bất hạnh (mắc bệnh phong, qua đời khi tuổi đời còn rất trẻ).

+ Tuy cuộc đời nhiều bi thương nhưng Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất của phong trào Thơ mới.

* Giới thiệu đoạn thơ cần phân tích: Cảnh đẹp thôn Vĩ Dạ được thể hiện rõ nét qua đoạn thơ:
* Trích đoạn thơ

1. **Thân bài:**
2. **Khái quát:**

* Giới thiệu vài nét về tác phẩm: về xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, cảm hứng sáng tác bài “Đây thôn Vĩ Dạ”.
* Giới thiệu vị trí đoạn thơ

**2. Phân tích:**

\*Câu 1:

- Câu hỏi tu từ mang nhiều sắc thái ý nghĩa:

+ Tác giả tưởng tượng lời mời gọi, lời trách.

+ Tác giả tự vấn.

1. “Về chơi” gợi sắc thái thân mật, gần gũi.

* Thể hiện khao khát được trở về thôn Vĩ, tâm trạng nhớ thương, tiếc nuối của nhà thơ.

\***Câu 2,3: Cảnh vườn thôn Vĩ :**

- Điệp từ “nắng”: nhấn mạnh nắng sáng sớm, trong trẻo tràn ngập. Sự kết hợp giữa hàng cau, ánh nắng sáng bóng, xanh tươi thật đẹp.

- So sánh “vườn cây…xanh như ngọc’ kết hợp từ cảm thán “mướt quá” gợi lên vẻ đẹp tươi tốt đầy sức sống.

\***Câu 4: Người thôn Vĩ**

- Hình ảnh “lá trúc che ngang” gợi nét đẹp thanh tú, duyên dáng.

- “Mặt chữ điền” là nét ngay thẳng, cương trực, phúc hậu.

* Cảnh và người hài hòa trong vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.
* Đằng sau bức tranh phong cảnh là tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống tha thiết, cùng nỗi băn khoăn, day dứt của tác giả.

1. **Đánh giá:**

* Nội dung đoạn trích: Khổ thơ khắc họa bức tranh thôn Vĩ xuất hiện trong hoài niệm của tác giả với những cảnh vật tươi sáng, giàu sức sống; con người hiền lành, phúc hậu. Qua đó, ta cũng nhận thấy tình yêu cuộc sống tha thiết của thi nhân.
* Nghệ thuật: Sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp nghệ thuật: so sánh, câu hỏi tu từ, từ ngữ được sử dụng độc đáo, sáng tạo.

1. **Kết bài:**

* Khẳng định lại giá trị bài thơ
* Suy nghĩ của bản thân

**VIDEO BÀI GIẢNG THAM KHẢO:**

**GV: VŨ THANH HÒA – THPT THĂNG LONG – HÀ NỘI**

ĐÂY THÔN VĨ DẠ (TIẾT 1)

<https://www.youtube.com/watch?v=sSu3x7Ra99U>

ĐÂY THÔN VĨ DẠ (TIẾT 2)

<https://www.youtube.com/watch?v=eEjD5IIlCSU>